

Số: /QĐ-TCLN-PTR

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận giống cây trồng lâm nghiệp

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 28/2017/QĐ-TTg ngày 03/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-TCLN-PTR ngày 24/3/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định công nhận giống cây trồng lâm nghiệp;

Xét Văn bản đề nghị số 715/KHLN-KH ngày 29/11/2021 của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam về việc công nhận giống cây trồng lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Phát triển rừng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp cho 09 dòng Bạch đàn lai, gồm: UP54, UP35, UP97, PB7, PB48, UP164, UP171, UP223 và DH32-29 do Viện Nghiên cứu giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam nghiên cứu, khảo nghiệm.

(Chi tiết tại Danh mục kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện sau công nhận giống:

1. Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm lưu giữ mẫu giống; phổ biến, hướng dẫn kỹ thuật gây trồng đối với các giống được công nhận nêu trên.

2. Vụ Phát triển rừng phối hợp với các đơn vị liên quan đưa giống được công nhận vào sản xuất ở những nơi có điều kiện tương tự nơi khảo nghiệm.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Phát triển rừng - Tổng cục Lâm nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thứ trưởng Lê Quốc Doanh (để báo cáo);
- Tổng cục trưởng;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, PTR.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Trần Quang Bảo

DANH MỤC GIỐNG BẠCH ĐÀN LAI ĐƯỢC CÔNG NHẬN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TCLN-PTR ngày tháng năm 2022
của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp)

1. Bạch đàn lai UP54.

- Mã số giống mới được công nhận: **BĐL.ĐH.12.18**

- Những thông tin cơ bản của khảo nghiệm: Khảo nghiệm mở rộng các dòng vô tính Bạch đàn lai trồng tháng 9 năm 2017 tại xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; diện tích 2,0 ha; 15 công thức thí nghiệm, 4 lần lặp, 49 cây/ô/lặp (7 hàng x 7 cây/hàng).

- Điều kiện tự nhiên nơi khảo nghiệm:

+ Độ cao so với mặt biển: 65 m.

+ Độ dốc: $>15^{\circ}$.

+ Nhiệt độ trung bình hàng năm: $22,7^{\circ}\text{C}$.

+ Lượng mưa trung bình hàng năm: 1.488 mm.

+ Mùa mưa: tập trung từ tháng 5 đến tháng 9.

+ Loại đất: Đất feralit vàng nhạt phát triển trên đá phiến thạch sét.

+ Độ sâu tầng đất: $>1\text{m}$.

- Biện pháp kỹ thuật lâm sinh cơ bản áp dụng cho khảo nghiệm:

+ Làm đất và bón phân: phát dọn thực bì toàn diện, đào hố kích thước 40 x 40 x 40 cm, bón lót phân hữu cơ vi sinh 500g/cây + phân NPK (16:16:8) 200g/hố.

+ Mật độ trồng: 1.660 cây/ha (khoảng cách trồng 3m x 2m).

+ Chăm sóc năm thứ nhất: sau khi trồng 1 tháng tiến hành kiểm tra và trồng dặm, phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 100g NPK (16:16:8)/cây.

+ Chăm sóc năm thứ hai và năm thứ ba: chăm sóc 2 lần gồm phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 200 g NPK (16:16:8) /cây.

- Năng suất, chất lượng: đạt $28,8\text{ m}^3/\text{ha}/\text{năm}$, thân tròn đều, cành nhánh ít và nhỏ, chưa bị sâu bệnh.

- Vùng trồng đã được công nhận: Đông Hà, Quảng Trị; Yên Bình, Yên Bái (tại Quyết định số 65/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/01/2013 và QĐ số 761/QĐ/BNN-TCLN ngày 06/3/2019).

- Vùng trồng công nhận bổ sung: Hữu Lũng, Lạng Sơn và những nơi có điều kiện sinh thái tương tự.

- Tác giả khảo nghiệm mở rộng: Đỗ Hữu Sơn, Nguyễn Quốc Toàn, Nguyễn Đức Kiên, Cán Thị Lan, Ngô Văn Chính, Dương Hồng Quân, Trịnh Văn Hiệu, Lã Trường Giang và Đỗ Thanh Tùng.

2. Bạch đàn lai UP35.

- Mã số giống mới được công nhận: **BĐL.BV.12.14**

- Những thông tin cơ bản của khảo nghiệm: Khảo nghiệm mở rộng các dòng vô tính Bạch đàn lai trồng tháng 9 năm 2017 tại xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; diện tích 2,0 ha; 15 công thức thí nghiệm, 4 lần lặp, 49 cây/ô/lặp (7 hàng x 7 cây/hàng).

- Điều kiện tự nhiên nơi khảo nghiệm:

+ Độ cao so với mặt biển: 65 m.

+ Độ dốc: $>15^{\circ}$.

+ Nhiệt độ trung bình hàng năm: $22,7^{\circ}\text{C}$.

+ Lượng mưa trung bình hàng năm: 1.488 mm.

+ Mùa mưa: tập trung từ tháng 5 đến tháng 9.

+ Loại đất: Đất feralit vàng nhạt phát triển trên đá phiến thạch sét.

+ Độ sâu tầng đất: $>1\text{m}$.

- Biện pháp kỹ thuật lâm sinh cơ bản áp dụng cho khảo nghiệm:

+ Làm đất và bón phân: phát dọn thực bì toàn diện, đào hố kích thước 40 x 40 x 40 cm, bón lót phân hữu cơ vi sinh 500g/cây + phân NPK (16:16:8) 200g/hố.

+ Mật độ trồng: 1.660 cây/ha (khoảng cách trồng 3m x 2m)

+ Chăm sóc năm thứ nhất: sau khi trồng 1 tháng tiến hành kiểm tra và trồng dặm, phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 100g NPK (16:16:8)/cây.

+ Chăm sóc năm thứ hai và năm thứ ba: chăm sóc 2 lần gồm phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 200 g NPK (16:16:8) /cây.

- Năng suất, chất lượng: đạt 30,8 m³/ha/năm, thân tròn đều, cành nhánh ít và nhỏ, chưa bị sâu bệnh.

- Vùng trồng đã được công nhận: Ba Vì, Hà Nội; Đông Hà, Quảng Trị; Yên Bình, Yên Bái (tại Quyết định số 65/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/01/2013 và QĐ số 761/QĐ/BNN-TCLN ngày 06/3/2019).

- Vùng trồng công nhận bổ sung: Hữu Lũng, Lạng Sơn và những nơi có điều kiện sinh thái tương tự.

- Tác giả khảo nghiệm mở rộng: Đỗ Hữu Sơn, Nguyễn Quốc Toàn, Nguyễn Đức Kiên, Cán Thị Lan, Ngô Văn Chính, Dương Hồng Quân, Trịnh Văn Hiệu, Lã Trường Giang và Đỗ Thanh Tùng.

3. Bạch đàn lai UP97.

- Mã số giống mới được công nhận: **BĐL.BV.12.21**

- Những thông tin cơ bản của khảo nghiệm: Khảo nghiệm mở rộng các dòng vô tính Bạch đàn lai trồng tháng 9 năm 2017 tại xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; diện tích 2,0 ha; 15 công thức thí nghiệm, 4 lần lặp, 49 cây/ô/lặp (7 hàng x 7 cây/hàng).

- Điều kiện tự nhiên nơi khảo nghiệm:

+ Độ cao so với mặt biển: 65 m.

+ Độ dốc: $>15^{\circ}$.

+ Nhiệt độ trung bình hàng năm: $22,7^{\circ}\text{C}$.

+ Lượng mưa trung bình hàng năm: 1.488 mm.

+ Mùa mưa: tập trung từ tháng 5 đến tháng 9.

+ Loại đất: Đất feralit vàng nhạt phát triển trên đá phiến thạch sét.

+ Độ sâu tầng đất: $>1\text{m}$.

- Biện pháp kỹ thuật lâm sinh cơ bản áp dụng cho khảo nghiệm:

+ Làm đất và bón phân: phát dọn thực bì toàn diện, đào hố kích thước 40 x 40 x 40 cm, bón lót phân hữu cơ vi sinh 500g/cây + phân NPK (16:16:8) 200g/hố.

+ Mật độ trồng: 1.660 cây/ha (khoảng cách trồng 3m x 2m)

+ Chăm sóc năm thứ nhất: sau khi trồng 1 tháng tiến hành kiểm tra và trồng dặm, phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 100g NPK (16:16:8)/cây.

+ Chăm sóc năm thứ hai và năm thứ ba: chăm sóc 2 lần gồm phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 200 g NPK (16:16:8) /cây.

- Năng suất, chất lượng: đạt $25,0\text{ m}^3/\text{ha}/\text{năm}$, thân tròn đều, cành nhánh ít và nhỏ, chưa bị sâu bệnh.

- Vùng trồng đã được công nhận: Ba Vì, Hà Nội (tại Quyết định số 65/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/01/2013).

- Vùng trồng công nhận bổ sung: Hữu Lũng, Lạng Sơn và những nơi có điều kiện sinh thái tương tự.

- Tác giả khảo nghiệm mở rộng: Đỗ Hữu Sơn, Nguyễn Quốc Toàn, Nguyễn Đức Kiên, Cán Thị Lan, Ngô Văn Chính, Dương Hồng Quân, Trịnh Văn Hiệu, Lã Trường Giang và Đỗ Thanh Tùng.

4. Bạch đàn lai PB7.

- Mã số giống mới được công nhận: **BĐL.HTN.16.18**

- Những thông tin cơ bản của khảo nghiệm: Khảo nghiệm mở rộng các dòng vô tính Bạch đàn lai trồng tháng 9 năm 2017 tại xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; diện tích 2,0 ha; 15 công thức thí nghiệm, 4 lần lặp, 49 cây/ô/lặp (7 hàng x 7 cây/hàng).

- Điều kiện tự nhiên nơi khảo nghiệm:

+ Độ cao so với mặt biển: 65 m.

+ Độ dốc: $>15^{\circ}$.

+ Nhiệt độ trung bình hàng năm: $22,7^{\circ}\text{C}$.

+ Lượng mưa trung bình hàng năm: 1.488 mm.

+ Mùa mưa: tập trung từ tháng 5 đến tháng 9.

+ Loại đất: Đất feralit vàng nhạt phát triển trên đá phiến thạch sét.

+ Độ sâu tầng đất: $>1\text{m}$.

- Biện pháp kỹ thuật lâm sinh cơ bản áp dụng cho khảo nghiệm:

+ Làm đất và bón phân: phát dọn thực bì toàn diện, đào hố kích thước 40 x 40 x 40 cm, bón lót phân hữu cơ vi sinh 500g/cây + phân NPK (16:16:8) 200g/hố.

+ Mật độ trồng: 1.660 cây/ha (khoảng cách trồng 3m x 2m)

+ Chăm sóc năm thứ nhất: sau khi trồng 1 tháng tiến hành kiểm tra và trồng dặm, phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 100g NPK (16:16:8)/cây.

+ Chăm sóc năm thứ hai và năm thứ ba: chăm sóc 2 lần gồm phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 200 g NPK (16:16:8) /cây.

- Năng suất, chất lượng: đạt $25,2\text{ m}^3/\text{ha}/\text{năm}$, thân tròn đều, cành nhánh ít và nhỏ, chưa bị sâu bệnh.

- Vùng trồng đã được công nhận: Hàm Thuận Nam, Bình Thuận (tại Quyết định số 3893/QĐ/BNN-TCLN, ngày 20/09/2016).

- Vùng trồng công nhận bổ sung: Hữu Lũng, Lạng Sơn và những nơi có điều kiện sinh thái tương tự.

- Tác giả khảo nghiệm mở rộng: Đỗ Hữu Sơn, Nguyễn Quốc Toàn, Nguyễn Đức Kiên, Cán Thị Lan, Ngô Văn Chính, Dương Hồng Quân, Trịnh Văn Hiệu, Lã Trường Giang và Đỗ Thanh Tùng.

5. Bạch đàn lai PB48.

- Mã số giống mới được công nhận: **BĐL.HTN.16.19**

- Những thông tin cơ bản của khảo nghiệm: Khảo nghiệm mở rộng các dòng vô tính Bạch đàn lai trồng tháng 9 năm 2017 tại xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; diện tích 2,0 ha; 15 công thức thí nghiệm, 4 lần lặp, 49

cây/ô/lấp (7 hàng x 7 cây/hàng).

- Điều kiện tự nhiên nơi khảo nghiệm:
 - + Độ cao so với mặt biển: 65 m.
 - + Độ dốc: $>15^{\circ}$.
 - + Nhiệt độ trung bình hàng năm: $22,7^{\circ}\text{C}$.
 - + Lượng mưa trung bình hàng năm: 1.488 mm.
 - + Mùa mưa: tập trung từ tháng 5 đến tháng 9.
 - + Loại đất: Đất feralit vàng nhạt phát triển trên đá phiến thạch sét.
 - + Độ sâu tầng đất: $>1\text{m}$.
- Biện pháp kỹ thuật lâm sinh cơ bản áp dụng cho khảo nghiệm:
 - + Làm đất và bón phân: phát dọn thực bì toàn diện, đào hố kích thước 40 x 40 x 40 cm, bón lót phân hữu cơ vi sinh 500g/cây + phân NPK (16:16:8) 200g/hố.
 - + Mật độ trồng: 1.660 cây/ha (khoảng cách trồng 3m x 2m)
 - + Chăm sóc năm thứ nhất: sau khi trồng 1 tháng tiến hành kiểm tra và trồng dặm, phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 100g NPK (16:16:8)/cây.
 - + Chăm sóc năm thứ hai và năm thứ ba: chăm sóc 2 lần gồm phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 200 g NPK (16:16:8) /cây.
 - Năng suất, chất lượng: đạt $23,9\text{ m}^3/\text{ha}/\text{năm}$, thân tròn đều, cành nhánh ít và nhỏ, chưa bị sâu bệnh.
 - Vùng trồng đã được công nhận: Hàm Thuận Nam, Bình Thuận (tại Quyết định số 3893/QĐ/BNN-TCLN, ngày 20/09/2016).
 - Vùng trồng công nhận bổ sung: Hữu Lũng, Lạng Sơn và những nơi có điều kiện sinh thái tương tự.
 - Tác giả khảo nghiệm mở rộng: Đỗ Hữu Sơn, Nguyễn Quốc Toàn, Nguyễn Đức Kiên, Cán Thị Lan, Ngô Văn Chính, Dương Hồng Quân, Trịnh Văn Hiệu, Lã Trường Giang và Đỗ Thanh Tùng.

6. Bạch đàn lai UP164.

- Mã số giống mới được công nhận: **BĐL.YT.16.12**
- Những thông tin cơ bản của khảo nghiệm: Khảo nghiệm mở rộng các dòng vô tính Bạch đàn lai trồng tháng 6 năm 2018 tại xã Vũ Linh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; diện tích 2,0 ha; 12 công thức thí nghiệm, 4 lần lặp, 49 cây/ô/lấp (7 hàng x 7 cây/hàng).
 - Điều kiện tự nhiên nơi khảo nghiệm:
 - + Độ cao so với mặt biển: 52 m.
 - + Độ dốc: $>15^{\circ}$.

- + Nhiệt độ trung bình hàng năm: 23,0°C.
- + Lượng mưa trung bình hàng năm: 1.740 mm.
- + Mùa mưa: tập trung từ tháng 4 đến tháng 9.
- + Loại đất: Đất feralit nâu vàng phát triển trên đá phiến sét.
- + Độ sâu tầng đất: <1m.
- Biện pháp kỹ thuật lâm sinh cơ bản áp dụng cho khảo nghiệm:
 - + Làm đất và bón phân: phát dọn thực bì toàn diện, đào hố kích thước 40 x 40 x 40 cm, bón lót phân hữu cơ vi sinh 500g/cây + phân NPK (16:16:8) 200g/hố.
 - + Mật độ trồng: 1.660 cây/ha (khoảng cách trồng 3m x 2m)
 - + Chăm sóc năm thứ nhất: sau khi trồng 1 tháng tiến hành kiểm tra và trồng dặm, phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 100g NPK (16:16:8)/cây.
 - + Chăm sóc năm thứ hai và năm thứ ba: chăm sóc 2 lần gồm phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 200 g NPK (16:16:8) /cây.
- Năng suất, chất lượng: đạt 20,6 m³/ha/năm, thân tròn đều, cành nhánh ít và nhỏ, chưa bị sâu bệnh.
- Vùng trồng đã được công nhận: Yên Thế, Bắc Giang (tại Quyết định số 3893/QĐ/BNN-TCLN, ngày 20/09/2016).
- Vùng trồng công nhận bổ sung: Yên Bình, Yên Bái và những nơi có điều kiện sinh thái tương tự.
- Tác giả khảo nghiệm mở rộng: Đỗ Hữu Sơn, Nguyễn Quốc Toàn, Nguyễn Đức Kiên, Cán Thị Lan, Ngô Văn Chính, Dương Hồng Quân, Trịnh Văn Hiệu, Lã Trường Giang và Đỗ Thanh Tùng.

7. Bạch đàn lai UP171.

- Mã số giống mới được công nhận: **BĐL.YT.16.13**
- Những thông tin cơ bản của khảo nghiệm: Khảo nghiệm mở rộng các dòng vô tính Bạch đàn lai trồng tháng 6 năm 2018 tại xã Vũ Linh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; diện tích 2,0 ha; 12 công thức thí nghiệm, 4 lần lặp, 49 cây/ô/lặp (7 hàng x 7 cây/hàng).
- Điều kiện tự nhiên nơi khảo nghiệm:
 - + Độ cao so với mặt biển: 52 m.
 - + Độ dốc: >15⁰.
 - + Nhiệt độ trung bình hàng năm: 23,0°C.
 - + Lượng mưa trung bình hàng năm: 1.740 mm.
 - + Mùa mưa: tập trung từ tháng 4 đến tháng 9.
 - + Loại đất: Đất feralit nâu vàng phát triển trên đá phiến sét.

- + Độ sâu tầng đất: <1m.
- Biện pháp kỹ thuật lâm sinh cơ bản áp dụng cho khảo nghiệm:
 - + Làm đất và bón phân: phát dọn thực bì toàn diện, đào hố kích thước 40 x 40 x 40 cm, bón lót phân hữu cơ vi sinh 500g/cây + phân NPK (16:16:8) 200g/hố.
 - + Mật độ trồng: 1.660 cây/ha (khoảng cách trồng 3m x 2m)
 - + Chăm sóc năm thứ nhất: sau khi trồng 1 tháng tiến hành kiểm tra và trồng dặm, phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 100g NPK (16:16:8)/cây.
 - + Chăm sóc năm thứ hai và năm thứ ba: chăm sóc 2 lần gồm phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 200 g NPK (16:16:8) /cây.
- Năng suất, chất lượng: đạt 20,8 m³/ha/năm, thân tròn đều, cành nhánh ít và nhỏ, chưa bị sâu bệnh.
- Vùng trồng đã được công nhận: Yên Thế, Bắc Giang (tại Quyết định số 3893/QĐ/BNN-TCLN, ngày 20/09/2016).
- Vùng trồng công nhận bổ sung: Yên Bình, Yên Bái và những nơi có điều kiện sinh thái tương tự.
- Tác giả khảo nghiệm mở rộng: Đỗ Hữu Sơn, Nguyễn Quốc Toàn, Nguyễn Đức Kiên, Cán Thị Lan, Ngô Văn Chính, Dương Hồng Quân, Trịnh Văn Hiệu, Lã Trường Giang và Đỗ Thanh Tùng.

8. Bạch đàn lai UP223.

- Mã số giống mới được công nhận: **BDL.YT.16.16**
- Những thông tin cơ bản của khảo nghiệm: Khảo nghiệm mở rộng các dòng vô tính Bạch đàn lai trồng tháng 6 năm 2018 tại xã Vũ Linh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; diện tích 2,0 ha; 12 công thức thí nghiệm, 4 lần lặp, 49 cây/ô/lặp (7 hàng x 7 cây/hàng).
- Điều kiện tự nhiên nơi khảo nghiệm:
 - + Độ cao so với mặt biển: 52 m.
 - + Độ dốc: >15⁰.
 - + Nhiệt độ trung bình hàng năm: 23,0⁰C.
 - + Lượng mưa trung bình hàng năm: 1.740 mm.
 - + Mùa mưa: tập trung từ tháng 4 đến tháng 9.
 - + Loại đất: Đất feralit nâu vàng phát triển trên đá phiến sét.
 - + Độ sâu tầng đất: <1m.
- Biện pháp kỹ thuật lâm sinh cơ bản áp dụng cho khảo nghiệm:

+ Làm đất và bón phân: phát dọn thực bì toàn diện, đào hố kích thước 40 x 40 x 40 cm, bón lót phân hữu cơ vi sinh 500g/cây + phân NPK (16:16:8) 200g/hố.

+ Mật độ trồng: 1.660 cây/ha (khoảng cách trồng 3m x 2m)

+ Chăm sóc năm thứ nhất: sau khi trồng 1 tháng tiến hành kiểm tra và trồng dặm, phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 100g NPK (16:16:8)/cây.

+ Chăm sóc năm thứ hai và năm thứ ba: chăm sóc 2 lần gồm phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 200 g NPK (16:16:8) /cây.

- Năng suất, chất lượng: đạt 20,4 m³/ha/năm, thân tròn đều, cành nhánh ít và nhỏ, chưa bị sâu bệnh.

- Vùng trồng đã được công nhận: Yên Thế, Bắc Giang (tại Quyết định số 3893/QĐ/BNN-TCLN, ngày 20/09/2016).

- Vùng trồng công nhận bổ sung: Yên Bình, Yên Bái và những nơi có điều kiện sinh thái tương tự.

- Tác giả khảo nghiệm mở rộng: Đỗ Hữu Sơn, Nguyễn Quốc Toàn, Nguyễn Đức Kiên, Cán Thị Lan, Ngô Văn Chính, Dương Hồng Quân, Trịnh Văn Hiệu, Lã Trường Giang và Đỗ Thanh Tùng.

9. Bạch đàn lai DH-32-29.

- Mã số giống mới được công nhận: **BĐL.LN.17.20**

- Những thông tin cơ bản của khảo nghiệm: Khảo nghiệm mở rộng các dòng vô tính Bạch đàn lai trồng tháng 6 năm 2018 tại xã Vũ Linh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; diện tích 2,0 ha; 12 công thức thí nghiệm, 4 lần lặp, 49 cây/ô/lặp (7 hàng x 7 cây/hàng).

- Điều kiện tự nhiên nơi khảo nghiệm:

+ Độ cao so với mặt biển: 52 m.

+ Độ dốc: >15⁰.

+ Nhiệt độ trung bình hàng năm: 23,0⁰C.

+ Lượng mưa trung bình hàng năm: 1.740 mm.

+ Mùa mưa: tập trung từ tháng 4 đến tháng 9.

+ Loại đất: Đất feralit nâu vàng phát triển trên đá phiến sét.

+ Độ sâu tầng đất: <1m.

- Biện pháp kỹ thuật lâm sinh cơ bản áp dụng cho khảo nghiệm:

+ Làm đất và bón phân: phát dọn thực bì toàn diện, đào hố kích thước 40 x 40 x 40 cm, bón lót phân hữu cơ vi sinh 500g/cây + phân NPK (16:16:8) 200g/hố.

+ Mật độ trồng: 1.660 cây/ha (khoảng cách trồng 3m x 2m)

+ Chăm sóc năm thứ nhất: sau khi trồng 1 tháng tiến hành kiểm tra và trồng dặm, phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 100g NPK (16:16:8)/cây.

+ Chăm sóc năm thứ hai và năm thứ ba: chăm sóc 2 lần gồm phát dọn thực bì, xới vun gốc và bón thúc 200 g NPK (16:16:8) /cây.

- Năng suất, chất lượng: đạt 20,0 m³/ha/năm, thân tròn đều, cành nhánh ít và nhỏ, chưa bị sâu bệnh.

- Vùng trồng đã được công nhận: Bắc Giang, Quảng Ninh, Lạng Sơn (tại Quyết định số 4572/QĐ/BNN-TCLN, ngày 08/11/2017).

- Vùng trồng công nhận bổ sung: Yên Bình, Yên Bái và những nơi có điều kiện sinh thái tương tự.

- Tác giả khảo nghiệm mở rộng: Đỗ Hữu Sơn, Nguyễn Quốc Toàn, Nguyễn Đức Kiên, Cán Thị Lan, Ngô Văn Chính, Dương Hồng Quân, Trịnh Văn Hiệu, Lã Trường Giang và Đỗ Thanh Tùng./.